

CÔNG TY CỔ PHẦN TẬP ĐOÀN LỘC TRỜI VÀ CÁC CÔNG TY CON



BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Giữa niên độ cho chín tháng
kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

**Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và
các công ty con**

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ
cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời
Thông tin về Công ty

Giấy Chứng nhận Đăng ký
Kinh doanh/Doanh nghiệp số 1600192619

ngày 27 tháng 9 năm 2004

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp của Công ty đã được điều chỉnh nhiều lần và lần điều chỉnh gần nhất là Giấy Chứng nhận Đăng ký Doanh Nghiệp số 1600192619 ngày 9 tháng 11 năm 2015. Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh/Doanh nghiệp và các giấy chứng nhận điều chỉnh do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh An Giang cấp.

Hội đồng Quản trị	Ông Huỳnh Văn Thòn Ông Lê Phước Đức Ông Nguyễn Mỹ Ông Nguyễn Tiến Tùng Ông Võ Văn Á Bà Nguyễn Thị Âm Ông Phạm Thanh Thọ Ông Trần Quốc Thanh Bà Thủy Vũ Dropsey Ông Nguyễn Tiến Dũng	Chủ tịch Phó Chủ tịch (đến ngày 28/04/2017) Phó Chủ tịch Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên Thành viên (từ ngày 29/04/2017) Thành viên (đến ngày 28/04/2017)
Ban Tổng Giám đốc	Ông Huỳnh Văn Thòn Ông Nguyễn Mỹ Ông Lê Phước Đức Ông Nguyễn Tiến Dũng	Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/02/2017) Phó Tổng Giám đốc (đến ngày 26/02/2017)
Ban Kiểm soát	Ông Trần Tiến Dũng Bà Lê Thu Hiền Ông Phan Bá Ngọc Phương Bà Võ Thị Thùy Tiên Ông Huỳnh Thanh Nhuận	Trưởng Ban Kiểm soát Phó Trưởng Ban Kiểm soát Thành viên Thành viên Thành viên (đến ngày 28/04/2017)
Trụ sở đăng ký	Số 23, Đường Hà Hoàng Hồ Phường Mỹ Xuyên Thành phố Long Xuyên Tỉnh An Giang Việt Nam	
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH KPMG Việt Nam	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2017

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
TÀI SẢN				
Tài sản ngắn hạn (100 = 110 + 120 + 130 + 140 + 150)	100		4.377.388.892.122	4.270.434.338.723
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	7	180.391.370.828	278.935.723.403
Tiền	111		180.391.370.828	278.935.723.403
Các khoản tương đương tiền	112		-	-
Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		30.346.324.167	25.000.000.000
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	15	30.346.324.167	25.000.000.000
Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.631.194.344.167	1.733.262.752.136
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	8	1.491.577.946.005	1.721.567.399.228
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		117.506.733.929	61.689.194.088
Phải thu ngắn hạn khác	136	9	183.416.224.337	101.678.865.652
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	10	(161.487.437.743)	(151.672.706.832)
Tài sản thiếu chờ xử lý	139		180.877.639	-
Hàng tồn kho	140	11	2.455.501.096.626	2.170.130.746.170
Hàng tồn kho	141		2.455.501.096.626	2.193.188.187.587
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(23.057.441.417)
Tài sản ngắn hạn khác	150		79.955.756.334	63.105.117.014
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	16	17.462.690.384	10.456.326.990
Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		62.191.883.783	52.363.530.586
Thuế phải thu Nhà nước	153		301.182.167	285.259.438
Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-
Tài sản dài hạn (200 = 220 + 240 + 250 + 260)	200		1.867.995.079.755	1.888.670.450.306
Tài sản cố định	220		1.542.407.899.196	1.562.659.287.704
Tài sản cố định hữu hình	221	12	1.193.894.005.729	1.224.862.955.176
Nguyên giá	222		1.755.127.226.005	1.693.103.145.091
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(561.233.220.276)	(468.240.189.915)
Tài sản cố định vô hình	227	13	348.513.893.467	337.796.332.528
Nguyên giá	228		354.948.742.681	341.529.532.062
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.434.849.214)	(3.733.199.534)
Tài sản dở dang dài hạn	240		159.706.223.989	176.300.536.749
Xây dựng cơ bản dở dang	242	14	159.706.223.989	176.300.536.749

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
Đầu tư tài chính dài hạn	250		33.185.650.000	202.000.000
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		32.983.650.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		202.000.000	202.000.000
Tài sản dài hạn khác	260		132.695.306.570	149.508.625.853
Chi phí trả trước dài hạn	261		117.193.352.454	131.689.732.959
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	17	15.177.114.213	17.447.647.291
Lợi thế thương mại	269		324.839.903	371.245.603
TỔNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		6.245.383.971.877	6.159.104.789.029
NGUỒN VỐN				
NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310 + 330)	300		4.062.200.156.618	3.983.092.975.788
Nợ ngắn hạn	310		3.795.411.419.529	3.857.391.295.142
Phải trả người bán ngắn hạn	311	18	805.379.411.120	1.545.244.521.352
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		12.501.033.258	43.290.512.554
Thuế phải nộp Nhà nước	313	19	85.568.161.210	78.152.281.955
Phải trả người lao động	314		2.923.055.338	44.128.012.188
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	20	101.882.441.456	62.282.358.161
Phải trả ngắn hạn khác	319	21	197.023.451.488	130.940.331.908
Vay ngắn hạn	320	22(a)	2.540.742.566.222	1.905.444.686.305
Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		254.917.000	-
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	23	49.136.382.437	47.908.590.719
Nợ dài hạn	330		266.788.737.089	125.701.680.646
Phải trả dài hạn khác	337		-	1.690.000.000
Vay dài hạn	338	22(b)	220.000.000.000	73.721.650.000
Dự phòng phải trả dài hạn	342		46.788.737.089	50.290.030.646

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 01a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	30/9/2017 VND	1/1/2017 VND
VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410)	400		2.183.183.815.259	2.176.011.813.241
Vốn chủ sở hữu	410	24	2.183.183.815.259	2.176.011.813.241
Vốn cổ phần	411	25	671.611.500.000	671.611.500.000
Thặng dư vốn cổ phần	412		278.073.000.000	278.073.000.000
Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	375.981.959
Quỹ đầu tư phát triển	418		759.289.511.100	685.861.374.028
Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		180.920.963.955	179.556.267.456
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		267.226.113.817	334.859.555.015
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		334.859.555.015	282.317.345.691
- Chi trả cổ tức	421a		(201.483.450.000)	(201.483.450.000)
- Trích lập và hoàn nhập các quỹ	421a		(145.627.605.347)	(93.002.407.702)
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		279.477.614.149	347.028.067.026
Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		26.062.726.387	25.674.134.783
TỔNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		6.245.383.971.877	6.159.104.789.029



Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập:

Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Mỹ
Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017

Mẫu B 02a – DN/HN

(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Kỳ chín tháng kết thúc ngày

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND	30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	26	1.815.942.365.288	2.007.906.294.232	6.061.926.008.979	5.635.274.108.950
Các khoản giảm trừ doanh thu	02	26	15.887.401.543	25.006.399.932	186.511.646.393	111.073.314.002
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10	26	1.800.054.963.745	1.982.899.894.300	5.875.414.362.586	5.524.200.794.948
Giá vốn hàng bán	11	27	1.348.534.571.073	1.433.664.864.112	4.559.383.243.937	4.280.548.024.065
Lợi nhuận gộp (20 = 10 - 11)	20		451.520.392.672	549.235.030.188	1.316.031.118.649	1.243.652.770.883
Doanh thu hoạt động tài chính	21	28	3.166.167.389	3.723.529.471	12.832.982.599	19.422.740.457
Chi phí tài chính	22	29	31.747.701.259	34.331.104.658	100.363.691.844	101.486.921.670
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		28.701.682.480	30.658.278.668	85.714.750.186	91.708.952.299
Chi phí bán hàng	25	30	240.830.106.999	296.571.842.215	625.714.953.347	621.147.255.870
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	31	76.074.890.042	134.680.006.867	251.593.868.603	248.824.512.469
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {(30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26)}	30		106.033.861.761	87.375.605.919	351.191.587.454	291.616.821.331
Thu nhập khác	31	32	3.877.706.084	22.278.749.416	15.879.596.844	26.513.975.382
Chi phí khác	32		4.605.128.865	4.058.993.947	7.285.837.595	6.025.803.318
Kết quả từ hoạt động khác (40 = 31 - 32)	40		(727.422.781)	18.219.755.469	8.593.759.249	20.488.172.064



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 02a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ ba tháng kết thúc ngày		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND	30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	33	105.306.438.980	105.595.361.388	359.785.346.703	312.104.993.395
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	33	21.675.594.987	28.886.154.443	80.848.832.255	72.273.646.414
(Lợi ích)/chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	33	-	(3.562.109.994)	(696.346.844)	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN (60 = 50 - 51 - 52)	60		83.630.843.993	80.271.316.939	279.632.861.292	239.831.346.981
Phân bổ:						
Chủ sở hữu của Công ty	61		83.334.111.570	79.348.151.502	279.477.614.149	238.192.925.558
Cổ đông không kiểm soát	62		296.732.423	923.165.437	155.247.143	1.638.421.423
Lãi trên cổ phiếu						
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		1.055	1.181	3.621	3.015

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập:

Người duyệt:





Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng

Nguyễn Mỹ
 Phó Tổng Giám đốc



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017
(Phương pháp gián tiếp)

Mẫu B 03a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

	Mã số	Thuyết minh	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
			30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
Lợi nhuận trước thuế	01		359.785.346.703	312.104.993.395
Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao và phân bổ	02		104.236.299.781	92.388.477.256
Các khoản dự phòng	03		(13.164.579.534)	16.809.477.370
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(203.827.328)	(12.491.286.043)
Thu nhập từ hoạt động đầu tư	05		(1.242.044.137)	(9.614.240.025)
Chi phí lãi vay	06		85.689.389.722	91.708.952.299
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		535.100.585.207	490.906.374.252
Biến động các khoản phải thu	09		86.136.288.470	147.451.585.943
Biến động hàng tồn kho	10		(262.312.909.039)	420.863.852.425
Biến động các khoản phải trả và nợ phải trả khác	11		(771.668.623.990)	(432.104.604.199)
Biến động chi phí trả trước	12		18.130.588.474	(1.207.960.337)
			(394.614.070.878)	625.909.248.084
Tiền lãi vay đã trả	14		(82.979.166.468)	(87.322.148.508)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(58.713.973.430)	(7.794.058.182)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(42.274.503.935)	(60.694.369.444)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động kinh doanh	20		(578.581.714.711)	470.098.671.950
LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21		(102.806.613.730)	(128.313.506.943)
Tiền thu từ thanh lý tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	22		20.355.070.823	5.952.048.385
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(4.000.000.000)	(62.000.000)
Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị	25		(32.983.650.000)	-
Tiền thu lãi tiền gửi và cổ tức	27		1.454.972.036	3.662.191.640
Cổ đông thiểu số góp vốn vào công ty con	28		3.000.000.000	-
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động đầu tư	30		(114.980.220.871)	(118.761.266.918)



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày
30 tháng 9 năm 2017 (Phương pháp gián tiếp – tiếp theo)

Mẫu B 03a – DN/HN
 (Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
 ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

		Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
Mã	Thuyết	30/9/2017	30/9/2016
số	minh	VND	VND

LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	32		1.600.000.000	-
Tiền thu từ đi vay	33		5.228.003.796.944	4.177.500.166.222
Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(4.446.427.567.027)	(4.491.800.048.386)
Tiền chi trả cổ tức cho chủ sở hữu của Công ty	36		(188.299.748.363)	(661.311.856)
Lưu chuyển tiền thuần từ các hoạt động tài chính	40		594.876.481.554	(314.961.194.020)
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20 + 30 + 40)	50		(98.685.454.028)	36.376.211.012
Tiền và các khoản tương đương tiền đầu kỳ	60		278.935.723.403	190.191.854.524
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ đối với tiền và các khoản tương đương tiền	61		141.101.453	(934.487.467)
Tiền và các khoản tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50 + 60 + 61)	70	7	180.391.370.828	225.633.578.069



Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập:

(Handwritten signature)

Nguyễn Tấn Hoàng
 Kế toán trưởng

Người duyệt:



(Handwritten signature)
 Nguyễn Mỹ
 Phó Tổng Giám đốc

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm.

1. Đơn vị báo cáo

(a) Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời (“Công ty”) là một công ty cổ phần được thành lập tại Việt Nam. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 bao gồm Công ty và các công ty con (sau đây được gọi chung là “Tập đoàn”).

(b) Hoạt động chính

Các hoạt động chính của Công ty và các công ty con là sản xuất và kinh doanh thuốc trừ sâu; sản xuất và kinh doanh phân bón; nghiên cứu và sản xuất giống cây trồng; cung cấp dịch vụ trồng trọt; sản xuất giấy và bao bì từ giấy và bìa; sản xuất và bán buôn gạo, thực phẩm; bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp; xây dựng và kinh doanh bất động sản.

(c) Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty và các công ty con nằm trong phạm vi 12 tháng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Cấu trúc Tập đoàn

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn có 13 công ty con (1/1/2017: 13 công ty con), chi tiết như sau:

Công ty	Hoạt động chính	Tỷ lệ quyền sở hữu/ quyền biểu quyết	
		30/9/2017	1/1/2017
Công ty Bảo vệ thực vật An Giang – Campuchia	Kinh doanh thuốc trừ sâu	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Bình	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Thoại Sơn	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Tân Hồng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Hưng	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh Lộc	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Lương thực Vĩnh An (*)	Sản xuất và bán buôn gạo	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Phân hữu cơ Ân Thịnh Điền (*)	Sản xuất và kinh doanh phân bón	100%	100%
Công ty TNHH Một Thành Viên Cà phê Hương Vị Trời	Sản xuất và bán buôn cà phê	100%	100%
Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh	Nghiên cứu và sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao	76,51%	76,51%
Công ty TNHH Trích ly dầu cám Vĩnh Hòa (*)	Trích ly dầu cám	60%	60%
Công ty Cổ phần Lộc Trời Miền Bắc	Kinh doanh thuốc trừ sâu, phân bón và gạo	60%	60%
Công ty Cổ phần Địa Ốc An Giang	Xây dựng và kinh doanh bất động sản	50,44%	50,44%

(*) Tại ngày 30 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn vẫn chưa góp vốn vào các công ty này. Các công ty này đang trong giai đoạn trước hoạt động.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

2. Cơ sở lập báo cáo tài chính

(a) Tuyên bố về tuân thủ

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính giữa niên độ.

(b) Cơ sở đo lường

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, trừ báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất, được lập trên cơ sở dồn tích theo nguyên tắc giá gốc. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất được lập theo phương pháp gián tiếp.

(c) Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Tập đoàn là từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này được lập cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017.

(d) Đơn vị tiền tệ kế toán và trình bày báo cáo tài chính

Đơn vị tiền tệ kế toán của Công ty là Đồng Việt Nam (“VND”), cũng là đơn vị tiền tệ được sử dụng cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính.

3. Tóm tắt những chính sách kế toán chủ yếu

Sau đây là những chính sách kế toán chủ yếu được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này. Những chính sách kế toán được Tập đoàn áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này nhất quán với các chính sách kế toán áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất.

(a) Cơ sở hợp nhất

(i) Công ty con

Công ty con là các đơn vị chịu sự kiểm soát của Tập đoàn. Báo cáo tài chính của công ty con được bao gồm trong báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ kể từ ngày kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

(ii) Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Việc thoái vốn của Tập đoàn trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số thu hoặc chi từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

(iii) Các giao dịch được loại trừ khi hợp nhất

Các số dư và giao dịch trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

(b) Ngoại tệ

(i) Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch bằng các đơn vị tiền khác VND trong kỳ được quy đổi sang VND theo tỷ giá xấp xỉ với tỷ giá thực tế tại ngày giao dịch.

Các khoản mục tài sản và nợ phải trả có gốc bằng đơn vị tiền tệ khác VND được quy đổi sang VND theo tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty và các công ty con thường xuyên có giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

(ii) Hoạt động ở nước ngoài

Các tài sản và nợ phải trả của cơ sở hoạt động ở nước ngoài, bao gồm lợi thế thương mại và các điều chỉnh giá trị hợp lý phát sinh trong quá trình mua, được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thu nhập và chi phí của các hoạt động ở nước ngoài được quy đổi sang VND theo tỷ giá hối đoái tại ngày giao dịch.

Các chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do việc quy đổi các hoạt động ở nước ngoài được ghi nhận vào khoản mục “Chênh lệch Tỷ giá Hối đoái” thuộc vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

(c) Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có tính thanh khoản cao, có thể dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định, không có nhiều rủi ro về thay đổi giá trị và được sử dụng cho mục đích đáp ứng các cam kết chi tiền ngắn hạn hơn là cho mục đích đầu tư hay là các mục đích khác.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(d) Các khoản đầu tư

(i) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Ban Tổng Giám đốc có ý định và khả năng nắm giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Các khoản đầu tư này phản ánh theo giá gốc trừ dự phòng phải thu khó đòi.

(ii) Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác

Đầu tư vào các công cụ vốn chủ sở hữu của các đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí mua có liên quan trực tiếp. Sau ghi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, ngoại trừ trường hợp khoản lỗ đó đã nằm trong dự kiến của Tập đoàn khi quyết định đầu tư. Dự phòng giảm giá đầu tư được hoàn nhập khi đơn vị nhận đầu tư sau đó tạo ra lợi nhuận để bù trừ cho các khoản lỗ đã được lập dự phòng trước kia. Khoản dự phòng chỉ được hoàn nhập trong phạm vi sao cho giá trị ghi sổ của khoản đầu tư không vượt quá giá trị ghi sổ của chúng khi giá định không có khoản dự phòng nào đã được ghi nhận.

(e) Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác được phản ánh theo giá gốc trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

(f) Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được phản ánh theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Đối với thành phẩm và chi phí sản xuất kinh doanh dở dang, giá gốc bao gồm nguyên vật liệu, chi phí nhân công trực tiếp và các chi phí sản xuất chung được phân bổ. Giá trị thuần có thể thực hiện được ước tính dựa vào giá bán của hàng tồn kho trừ đi các khoản chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và các chi phí bán hàng.

Tập đoàn áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(g) Tài sản cố định hữu hình

(i) Nguyên giá

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua, thuế nhập khẩu, các loại thuế mua hàng không hoàn lại và chi phí liên quan trực tiếp để đưa tài sản đến vị trí và trạng thái hoạt động cho mục đích sử dụng đã dự kiến. Các chi phí phát sinh sau khi tài sản cố định hữu hình đã đưa vào hoạt động như chi phí sửa chữa, bảo dưỡng và đại tu được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ mà chi phí phát sinh. Trong các trường hợp có thể chứng minh một cách rõ ràng rằng các khoản chi phí này làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai dự tính thu được từ việc sử dụng tài sản cố định hữu hình vượt trên mức hoạt động tiêu chuẩn theo như đánh giá ban đầu, thì các chi phí này được vốn hóa như một khoản nguyên giá tăng thêm của tài sản cố định hữu hình.

(ii) Khấu hao

Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của tài sản cố định hữu hình. Thời gian hữu dụng ước tính như sau:

▪ nhà cửa	5 – 25 năm
▪ máy móc và thiết bị	3 – 15 năm
▪ phương tiện vận chuyển	3 – 12 năm
▪ thiết bị văn phòng	3 – 10 năm

(h) Tài sản cố định vô hình

(i) Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất gồm có:

- Quyền sử dụng đất được Nhà nước giao có thu tiền sử dụng đất;
- Quyền sử dụng đất nhận chuyển nhượng hợp pháp; và
- Quyền sử dụng đất thuê trước ngày có hiệu lực của Luật Đất đai năm 2003 mà tiền thuê đất đã được trả trước cho thời hạn dài hơn 5 năm và được cơ quan có thẩm quyền cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Quyền sử dụng đất vô thời hạn được thể hiện theo nguyên giá và không khấu hao. Quyền sử dụng đất có thời hạn được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá ban đầu của quyền sử dụng đất bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp tới việc có được quyền sử dụng đất. Khấu hao được tính theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn sử dụng của quyền sử dụng đất từ 30 năm đến 50 năm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Phần mềm máy vi tính

Giá mua của phần mềm máy vi tính mới mà phần mềm này không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hóa và hạch toán như tài sản cố định vô hình. Phần mềm máy vi tính được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 3 năm đến 5 năm.

(i) Xây dựng cơ bản dở dang

Xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các khoản chi cho xây dựng và máy móc chưa được hoàn thành hoặc chưa lắp đặt xong. Không tính khấu hao cho xây dựng cơ bản dở dang trong quá trình xây dựng và lắp đặt.

(j) Chi phí trả trước dài hạn

(i) Chi phí đất trả trước

Chi phí đất trả trước bao gồm tiền thuê đất trả trước và các chi phí phát sinh khác liên quan đến việc bảo đảm cho việc sử dụng đất thuê. Các chi phí này được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn của hợp đồng thuê đất là từ 2 năm đến 14 năm.

(ii) Công cụ và dụng cụ

Công cụ và dụng cụ bao gồm các tài sản Tập đoàn nắm giữ để sử dụng trong quá trình hoạt động kinh doanh bình thường, với nguyên giá của mỗi tài sản thấp hơn 30 triệu VND và do đó không đủ điều kiện ghi nhận là tài sản cố định theo quy định hiện hành. Nguyên giá của công cụ và dụng cụ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian từ 2 năm đến 3 năm.

(k) Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại phát sinh từ việc cổ phần hóa Công ty theo Biên bản xác định giá trị doanh nghiệp ngày 19 tháng 7 năm 2004 và từ việc mua lại công ty con. Lợi thế thương mại được xác định theo giá gốc trừ đi giá trị hao mòn lũy kế. Giá gốc của lợi thế thương mại khi mua lại công ty con là khoản chênh lệch giữa chi phí mua và lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả và nợ tiềm tàng của đơn vị bị mua. Khoản chênh lệch âm (lãi từ giao dịch mua giá rẻ) được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Lợi thế thương mại được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong vòng 10 năm. Giá trị ghi sổ của lợi thế thương mại phát sinh từ việc mua công ty con được ghi giảm xuống bằng giá trị có thể thu hồi khi Ban Tổng Giám đốc xác định khoản lợi thế thương mại không thể thu hồi toàn bộ.

(l) Các khoản phải trả người bán và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán và phải trả khác được thể hiện theo giá gốc.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(m) Dự phòng

Một khoản dự phòng được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Tập đoàn có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Khoản dự phòng được xác định bằng cách chiết khấu dòng tiền dự kiến phải trả trong tương lai với tỷ lệ chiết khấu trước thuế phản ánh đánh giá của thị trường ở thời điểm hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó.

(i) Dự phòng chi phí bảo hành

Khoản dự phòng chi phí bảo hành liên quan chủ yếu tới công trình xây dựng và dịch vụ xây lắp máy đã thực hiện trong kỳ kế toán. Khoản dự phòng được lập dựa trên ước tính xuất phát từ các dữ liệu thống kê lịch sử về chi phí bảo hành đã phát sinh liên quan tới các công trình xây dựng và dịch vụ tương tự.

(ii) Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Bộ luật Lao động Việt Nam, khi nhân viên làm việc cho Tập đoàn từ 12 tháng trở lên (“nhân viên đủ điều kiện”) tự nguyện chấm dứt hợp đồng lao động của mình thì bên sử dụng lao động phải thanh toán tiền trợ cấp thôi việc cho nhân viên đó tính dựa trên số năm làm việc và mức lương tại thời điểm thôi việc của nhân viên đó. Dự phòng trợ cấp thôi việc được lập trên cơ sở mức lương hiện tại của nhân viên và thời gian họ làm việc cho Tập đoàn.

Khoản dự phòng trợ cấp thôi việc phải trả cho các nhân viên đủ điều kiện tại ngày 30 tháng 9 năm 2017 được lập dựa trên số năm làm việc của nhân viên là tổng thời gian làm việc thực tế cho Tập đoàn trừ đi thời gian nhân viên đã tham gia bảo hiểm thất nghiệp theo quy định của pháp luật và thời gian làm việc đã được Tập đoàn chi trả trợ cấp thôi việc và mức lương bình quân của họ trong vòng sáu tháng trước ngày kết thúc kỳ kế toán.

(n) Vốn cổ phần

Cổ phiếu phổ thông

Cổ phiếu phổ thông được ghi nhận theo mệnh giá. Chi phí phát sinh liên quan trực tiếp đến việc phát hành cổ phiếu, trừ đi ảnh hưởng thuế, được ghi giảm vào thặng dư vốn cổ phần.

(o) Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên lợi nhuận hoặc lỗ hợp nhất của kỳ bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại. Thuế thu nhập doanh nghiệp được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất ngoại trừ trường hợp có các khoản thuế thu nhập liên quan đến các khoản mục được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu, thì khi đó các khoản thuế thu nhập này cũng được ghi nhận thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế dự kiến phải nộp dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ, sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán, và các khoản điều chỉnh thuế phải nộp liên quan đến những kỳ trước.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính theo phương pháp bảng cân đối kế toán cho các chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ cho mục đích báo cáo tài chính và giá trị sử dụng cho mục đích tính thuế của các khoản mục tài sản và nợ phải trả. Giá trị của thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận dựa trên cách thức dự kiến thu hồi hoặc thanh toán giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả sử dụng các mức thuế suất có hiệu lực hoặc cơ bản có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận trong phạm vi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để tài sản thuế thu nhập này có thể sử dụng được. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại được ghi giảm trong phạm vi không còn chắc chắn là các lợi ích về thuế liên quan này sẽ sử dụng được.

(p) Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Quỹ khen thưởng và phúc lợi được phân phối từ lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ do các cổ đông quyết định trong Đại hội Cổ đông Thường niên. Quỹ này được dùng để chi trả tiền thưởng và phúc lợi cho nhân viên của Tập đoàn.

(q) Các quỹ thuộc nguồn vốn chủ sở hữu

(i) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm mục đích mở rộng kinh doanh trong tương lai.

(ii) Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu

Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu được trích lập từ lợi nhuận chưa phân phối theo nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên. Quỹ này được trích lập nhằm thực hiện các hoạt động phúc lợi xã hội.

(r) Doanh thu và thu nhập khác

(i) Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hoá được chuyển giao cho người mua. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu hoặc liên quan tới khả năng hàng bán bị trả lại. Doanh thu bán hàng được ghi nhận theo số thuần sau khi đã trừ đi số chiết khấu giảm giá ghi trên hóa đơn bán hàng.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(ii) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tỷ lệ hoàn thành của giao dịch tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Tỷ lệ hoàn thành công việc được đánh giá dựa trên khảo sát các công việc đã được thực hiện. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iii) Doanh thu hợp đồng xây dựng

Doanh thu hợp đồng xây dựng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo tiến độ hoàn thành khi kết quả của hợp đồng xây dựng có thể ước tính được một cách đáng tin cậy. Tiến độ hoàn thành được xác định dựa trên phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận. Doanh thu không được ghi nhận nếu như có những yếu tố không chắc chắn trọng yếu liên quan tới khả năng thu hồi các khoản phải thu.

(iv) Thu nhập từ tiền lãi

Thu nhập từ tiền lãi được ghi nhận theo tỷ lệ tương ứng với thời gian dựa trên số dư gốc và lãi suất áp dụng.

(v) Thu nhập từ cổ tức

Thu nhập từ cổ tức được ghi nhận khi quyền nhận cổ tức được xác lập. Cổ tức bằng cổ phiếu không được ghi nhận là doanh thu hoạt động tài chính. Cổ tức nhận được liên quan đến giai đoạn trước khi mua khoản đầu tư thu được ghi giảm vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư.

(s) Các khoản thanh toán thuê hoạt động

Các khoản thanh toán thuê hoạt động được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa vào thời hạn của hợp đồng thuê. Các khoản hoa hồng đi thuê được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất như là một bộ phận hợp thành của tổng chi phí thuê.

(t) Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận là một chi phí trong kỳ khi chi phí này phát sinh, ngoại trừ trường hợp chi phí đi vay liên quan đến các khoản vay cho mục đích hình thành tài sản đủ điều kiện vốn hóa chi phí đi vay thì khi đó chi phí đi vay sẽ được vốn hóa và được ghi vào nguyên giá các tài sản này.

(u) Lãi trên cổ phiếu

Tập đoàn trình bày lãi cơ bản và lãi suy giảm trên cổ phiếu (EPS) cho các cổ phiếu phổ thông. Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lãi hoặc lỗ thuộc về cổ đông phổ thông của Công ty chia cho số lượng cổ phiếu phổ thông bình quân gia quyền lưu hành trong kỳ. Công ty không có cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(v) Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tập đoàn tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận chia theo vùng địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tập đoàn là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

(w) Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tập đoàn nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tập đoàn và bên kia cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân được coi là liên quan.

4. Các thay đổi trong ước tính kế toán

Khi lập báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Tổng Giám đốc đã thực hiện một số ước tính kế toán. Kết quả thực tế có thể khác với ước tính kế toán này.

Không có sự thay đổi trọng yếu nào trong các ước tính kế toán so với các ước tính kế toán thực hiện trong khi lập báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất và báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cùng kỳ năm trước.

5. Các khoản mục bất thường

Không có các khoản mục bất thường trọng yếu nào phát sinh trong kỳ.

6. Các thay đổi trong cơ cấu Tập đoàn

Từ ngày 1 tháng 1 năm 2017 đến ngày phát hành báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này, không có sự thay đổi trọng yếu nào trong cơ cấu của Tập đoàn.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

7. Tiền và các khoản tương đương tiền

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tiền mặt	8.107.404.379	13.861.235.896
Tiền gửi ngân hàng	172.283.966.449	265.074.487.507
Tiền và các khoản tương đương tiền trong báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất	<u>180.391.370.828</u>	<u>278.935.723.403</u>

8. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

Phải thu của khách hàng chi tiết theo khách hàng lớn

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Nguyễn Minh Hùng	11.231.443.002	11.321.143.002
Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	11.195.607.350	11.195.607.350
Công ty TNHH Tân Sáng	14.472.151.325	10.966.813.725
Các khách hàng khác	1.454.678.744.328	1.688.083.835.151
	<u>1.491.577.946.005</u>	<u>1.721.567.399.228</u>

9. Phải thu ngắn hạn khác

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Tạm ứng cho người lao động	53.907.584.830	44.978.894.879
Phải thu Nhà nước từ cổ phần hóa	13.148.729.781	13.148.729.781
Phải thu từ chiết khấu mua hàng được hưởng	47.557.127.602	3.635.123.680
Ký quỹ, ký cược ngắn hạn	2.749.273.372	946.943.908
Phải thu hỗ trợ từ đối tác	3.378.270.000	-
Phải thu ngắn hạn khác	62.675.238.752	38.969.173.404
	<u>183.416.224.337</u>	<u>101.678.865.652</u>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

10. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	30/9/2017			1/1/2017				
	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Số ngày quá hạn	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
Nợ quá hạn								
Nguyễn Minh Hùng Công ty TNHH Thiên Thủy Dương	Từ 2 đến 3 năm	11.231.443.002	(7.862.901.019)	3.368.541.983	Từ 2 đến 3 năm	11.321.143.002	(4.548.487.978)	6.772.655.024
Nguyễn Thị Mộng Tuyền	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-	Trên 3 năm	11.195.607.350	(11.195.607.350)	-
Đinh Thị Phương Lê Tam Quốc	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(5.732.107.888)	3.895.105.621	Từ 2 đến 3 năm	9.627.213.509	(4.813.606.755)	4.813.606.754
Võ Văn Nam	Trên 3 năm	9.318.582.005	(9.318.582.005)	-	Từ 2 đến 3 năm	9.318.580.825	(5.982.492.538)	3.336.088.287
Nguyễn Văn Đê	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-	Trên 3 năm	7.275.487.847	(7.275.487.847)	-
Trần Xuân Mai	Trên 3 năm	6.720.573.077	(6.720.573.077)	-	Trên 3 năm	6.740.573.077	(6.740.573.077)	-
Các đối tượng khác	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-	Trên 3 năm	4.926.420.708	(4.926.420.708)	-
		3.890.358.320	(3.890.358.320)	-	Trên 3 năm	4.011.763.320	(4.011.763.320)	-
		207.510.920.496	(104.565.399.529)	102.945.520.967		221.003.751.735	(102.178.267.259)	118.825.484.476
		271.696.606.314	(161.487.437.743)	110.209.168.571		285.420.541.373	(151.672.706.832)	133.747.834.541

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

Biến động dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	151.672.706.832	114.549.076.758
Trích lập dự phòng trong kỳ	20.417.810.523	17.150.799.821
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(10.603.079.612)	-
Số dư cuối kỳ	161.487.437.743	131.699.876.579

11. Hàng tồn kho

	30/9/2017		1/1/2017	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
Hàng mua đang đi đường		-	19.020.874.159	-
Nguyên vật liệu	678.124.843.072	-	638.468.759.890	(4.315.351.762)
Công cụ và dụng cụ	5.140.309.846	-	11.297.971.344	-
Sản phẩm dở dang	14.786.759.556	-	41.387.799.770	-
Thành phẩm	682.578.985.336	-	515.508.820.637	(18.742.089.655)
Hàng hóa	1.056.831.136.356	-	949.254.152.872	-
Hàng gửi đi bán	18.039.062.460	-	18.249.808.915	-
	2.455.501.096.626	-	2.193.188.187.587	(23.057.441.417)

Biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	23.057.441.417	11.299.400.663
Trích lập dự phòng trong kỳ	-	2.015.634.464
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(23.057.441.417)	(1.693.358.010)
Số dư cuối kỳ	-	11.621.677.117

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

12. Tài sản cố định hữu hình

Nguyên giá	Nhà cửa VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận chuyển VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
Số dư đầu kỳ	709.431.548.598	674.914.758.400	286.397.075.203	22.359.762.890	1.693.103.145.091
Tăng trong kỳ	14.092.816.751	17.484.711.455	10.777.008.472	350.944.773	42.705.481.451
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	21.332.648.101	14.373.814.143	3.178.377.927	1.234.776.040	40.119.616.211
Thanh lý	(5.257.751.950)	(9.322.263.265)	(6.221.001.533)	-	(20.801.016.748)
Số dư cuối kỳ	739.599.261.500	697.451.020.733	294.131.460.069	23.945.483.703	1.755.127.226.005
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu kỳ	123.388.202.985	196.768.543.520	134.833.493.117	13.249.950.293	468.240.189.915
Khấu hao trong kỳ	28.080.854.749	47.234.921.947	22.586.441.534	3.586.026.171	101.488.244.401
Thanh lý	-	(3.244.577.669)	(5.250.636.371)	-	(8.495.214.040)
Số dư cuối kỳ	151.469.057.734	240.758.887.798	152.169.298.280	16.835.976.464	561.233.220.276
Giá trị còn lại					
Số dư đầu kỳ	586.043.345.613	478.146.214.880	151.563.582.086	9.109.812.597	1.224.862.955.176
Số dư cuối kỳ	588.130.203.766	456.692.132.935	141.962.161.789	7.109.507.239	1.193.894.005.729



Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

13. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy vi tính VND	Tổng VND
Nguyên giá			
Số dư đầu kỳ	330.903.094.258	10.626.437.804	341.529.532.062
Tăng trong kỳ	18.066.736.161	81.900.000	18.148.636.161
Chuyển từ xây dựng cơ bản dở dang	4.290.454.558	-	4.290.454.558
Thanh lý	(9.019.880.100)	-	(9.019.880.100)
Số dư cuối kỳ	344.240.404.877	10.708.337.804	354.948.742.681
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu kỳ	504.619.263	3.228.580.271	3.733.199.534
Khấu hao trong kỳ	1.603.391.350	1.098.258.330	2.701.649.680
Số dư cuối kỳ	2.108.010.613	4.326.838.601	6.434.849.214
Giá trị còn lại			
Số dư đầu kỳ	330.398.474.995	7.397.857.533	337.796.332.528
Số dư cuối kỳ	342.132.394.264	6.381.499.203	348.513.893.467

14. Xây dựng cơ bản dở dang

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	176.300.536.749	203.185.750.236
Tăng trong kỳ	41.952.496.118	73.240.944.607
Chuyển sang tài sản cố định	(44.410.070.769)	(24.652.660.761)
Chuyển sang chi phí trả trước dài hạn	(10.640.571.363)	(6.484.294.264)
Thanh lý	(3.496.166.746)	(463.597.217)
Số dư cuối kỳ	159.706.223.989	244.826.142.601

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

15. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn tại các ngân hàng:

- Công ty TNHH Nghiên cứu và Sản xuất giống ứng dụng công nghệ cao Hưng Thịnh có khoản tiền gửi kỳ hạn 3 tháng, số tiền 4.000.000.000đ (Bốn tỷ đồng) tại Ngân hàng Nông Nghiệp và Phát Triển Nông Thôn – Chi nhánh Tân Hưng với lãi suất năm 4,8%.
- Công Ty CP Tập Đoàn Lộc Trời có các khoản tiền gửi kỳ hạn 6 tháng, số tiền 26.346.324.167đ (Hai mươi sáu tỷ ba trăm bốn mươi sáu triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn một trăm sáu mươi bảy đồng) tại Công ty Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Việt Nam Thịnh Vượng với lãi suất năm từ 8,7% đến 9%.

16. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước ngắn hạn

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Phí bảo hiểm trả trước	1.598.838.230	1.474.289.643
Chi phí thuê hoạt động trả trước	3.250.945.964	3.732.310.510
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	15.863.852.154	5.249.726.837
	<hr/>	<hr/>
	17.462.690.384	10.456.326.990
	<hr/>	<hr/>

17. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
<i>Tài sản thuế thu nhập hoãn lại ghi nhận đối với:</i>		
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	7.636.022.528	6.831.871.097
Dự phòng trợ cấp thôi việc	9.326.414.149	9.439.344.821
Lợi nhuận chưa thực hiện	(2.026.590.014)	873.949.823
Phải trả ngắn hạn khác	241.267.550	302.481.550
	<hr/>	<hr/>
	15.177.114.213	17.447.647.291
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

18. Phải trả người bán ngắn hạn

Phải trả người bán chi tiết theo nhà cung cấp lớn

	30/9/2017	1/1/2017
	Giá gốc/Số có	Giá gốc/Số có
	khả năng trả nợ	khả năng trả nợ
	VND	VND
Công ty TNHH Syngenta Việt Nam	599.222.705.215	1.254.803.250.645
Eastchem Co., Ltd	50.371.725.700	66.643.444.780
Dow Agro-Sciences (Malaysia) Sdn Bhd	2.454.840.000	66.246.150.000
Công ty TNHH UPL Việt Nam	5.482.906.860	36.730.284.150
Các nhà cung cấp khác	147.847.233.345	108.464.549.777
	<hr/>	<hr/>
	805.379.411.120	1.545.244.521.352
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con

Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

19. Thuế phải nộp Nhà nước

	1/1/2017	Số phải nộp trong kỳ	Số đã cán trừ trong kỳ	Số được hoàn trong kỳ	Số đã nộp trong kỳ	30/9/2017
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Thuế giá trị gia tăng	13.182.243.083	346.733.007.110	(252.011.315.678)	-	(103.932.178.600)	3.971.755.915
Thuế thu nhập cá nhân	7.085.521.249	26.340.900.201	-	(6.932.051.117)	(30.657.554.913)	(4.163.184.580)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	57.782.240.280	80.848.832.255	1.658.485.970	-	(58.713.973.430)	81.575.585.075
Các loại thuế khác	102.277.343	14.663.844.074	-	-	(10.582.116.617)	4.184.004.800
	78.152.281.955	468.586.583.640	(250.352.829.708)	(6.932.051.117)	(203.885.823.560)	85.568.161.210

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

20. Chi phí phải trả ngắn hạn

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Chi phí khuyến mãi bán hàng phải trả cho đại lý	80.786.799.891	52.085.789.616
Chi phí lãi vay	5.713.270.765	3.003.047.511
Chi phí hội nghị khách hàng	-	4.936.307.500
Chi phí phải trả khác	15.382.370.800	2.257.213.534
	<hr/>	<hr/>
	101.882.441.456	62.282.358.161
	<hr/>	<hr/>

21. Phải trả ngắn hạn khác

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Cổ tức phải trả của Công ty	126.449.125.000	113.253.975.000
Cổ tức phải trả của một công ty con	1.210.995.600	11.880.963
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	8.318.878.144	5.307.763.083
Bảo hiểm y tế, xã hội và thất nghiệp phải trả	6.341.431.298	2.210.350.006
Phải trả ngắn hạn khác	54.703.021.446	10.156.362.856
	<hr/>	<hr/>
	197.023.451.488	130.940.331.908
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

22. Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

(a) Vay ngắn hạn

	1/1/2017		Biến động trong kỳ		30/9/2017	
	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	Tăng VND	Giảm VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Giá trị ghi sổ/Số có khả năng trả nợ VND	
Vay ngắn hạn	1.602.710.086.305	5.007.632.796.944	(4.220.911.088.238)	2.086.271.211	2.391.518.066.222	
Vay dài hạn đến hạn trả	302.734.600.000	73.721.650.000	(227.602.750.000)	371.000.000	149.224.500.000	
	1.905.444.686.305	5.081.354.446.944	(4.448.513.838.238)	2.457.271.211	2.540.742.566.222	

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

(b) Vay dài hạn

	30/9/2017	1/1/2017
	VND	VND
Vay dài hạn	149.224.500.000	376.456.250.000
Trái phiếu phát hành	220.000.000.000	
Khoản đến hạn trả trong vòng 12 tháng	(149.224.500.000)	(302.734.600.000)
	<hr/>	<hr/>
Khoản đến hạn trả sau 12 tháng	220.000.000.000	73.721.650.000
	<hr/>	<hr/>

23. Quỹ khen thưởng và phúc lợi

Biến động của quỹ khen thưởng và phúc lợi trong kỳ như sau:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Số dư đầu kỳ	47.908.590.719	84.567.293.971
Trích từ lợi nhuận chưa phân phối trong kỳ	52.882.658.000	52.802.342.500
Sử dụng quỹ trong kỳ	(51.654.866.282)	(79.904.098.225)
	<hr/>	<hr/>
Số dư cuối kỳ	49.136.382.437	57.465.538.246
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lạc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

24. Thay đổi vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Chênh lệch tỷ giá hối đoái VND	Quỹ đầu tư phát triển VND	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Lợi ích cổ đông không kiểm soát VND	Tổng VND
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	432.836.622	671.211.802.746	178.667.704.543	282.317.345.691	22.147.464.218	2.104.461.653.820
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	238.192.925.558	1.638.421.42	239.831.346.981
Giao dịch với cổ đông thiểu số	-	-	-	-	-	-	1.392.346.831	1.392.346.831
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	40.492.796.950	29.570.256.000	(43.273.125.708)	-	26.789.927.242
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(47.851.282.000)	-	(47.851.282.000)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	(432.836.622)	-	-	-	-	(432.836.622)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	-	(201.483.450.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(22.208.444.356)	-	-	(22.208.444.356)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2016	671.611.500.000	278.073.000.000	-	711.704.599.696	186.029.516.187	227.902.413.541	25.178.232.472	2.100.499.261.896
Số dư tại ngày 1 tháng 1 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	375.981.959	685.861.374.028	179.556.267.456	334.859.555.015	25.674.134.783	2.176.011.813.241
Cổ đông không kiểm soát góp vốn vào công ty con	-	-	-	-	-	-	3.000.000.000	3.000.000.000
Lợi nhuận thuần trong kỳ	-	-	-	-	-	279.477.614.149	155.247.143	279.632.861.292
Trích lập các quỹ thuộc vốn chủ sở hữu	-	-	-	73.428.137.072	20.410.842.000	(92.744.947.347)	(1.094.031.725)	-
Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi	-	-	-	-	-	(52.882.658.000)	(482.252.815)	(53.364.910.815)
Chênh lệch do quy đổi hoạt động ở nước ngoài	-	-	(375.981.959)	-	-	-	-	(375.981.959)
Cổ tức	-	-	-	-	-	(201.483.450.000)	(1.190.371.000)	(202.673.821.000)
Sử dụng các quỹ	-	-	-	-	(19.046.145.501)	-	-	(19.046.145.501)
Số dư tại ngày 30 tháng 9 năm 2017	671.611.500.000	278.073.000.000	-	759.289.511.100	180.920.963.955	267.226.113.817	26.062.726.387	2.183.183.815.259

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

25. Vốn cổ phần

Vốn cổ phần được duyệt và đã phát hành của Công ty là:

	30/9/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần được duyệt	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Vốn cổ phần phổ thông đã phát hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000
Số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

	30/9/2017		1/1/2017	
	Số cổ phiếu	VND	Số cổ phiếu	VND
Vốn cổ phần của Nhà nước	16.221.600	162.216.000.000	16.221.600	162.216.000.000
Vốn cổ phần của các cổ đông khác	50.939.550	509.395.500.000	50.939.550	509.395.500.000
	67.161.150	671.611.500.000	67.161.150	671.611.500.000

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá là 10.000 VND. Mỗi cổ phiếu phổ thông tương ứng với một quyền biểu quyết tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Các cổ đông được nhận cổ tức mà Công ty công bố vào từng thời điểm. Tất cả cổ phiếu phổ thông đều có thứ tự ưu tiên như nhau đối với tài sản còn lại của Công ty.

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

26. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

Tổng doanh thu thể hiện tổng giá trị hàng bán và dịch vụ đã cung cấp, không bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Doanh thu thuần bao gồm:

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
Tổng doanh thu		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	3.472.167.334.675	3.357.832.910.753
▪ Lương thực – Gạo	1.882.927.033.114	1.660.129.769.056
▪ Hạt giống cây trồng	550.186.461.947	433.368.936.725
▪ Bao bì	110.731.922.741	122.520.825.879
▪ Xây dựng	41.630.389.958	61.421.666.537
▪ Khác	4.282.866.544	-
	6.061.926.008.979	5.635.274.108.950
Trừ đi các khoản giảm trừ doanh thu	(186.511.646.393)	(111.073.314.002)
Doanh thu thuần	5.875.414.362.586	5.524.200.794.948

27. Giá vốn hàng bán

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017 VND	30/9/2016 VND
Tổng giá vốn hàng bán		
▪ Thuốc bảo vệ thực vật	2.233.635.575.464	2.262.995.895.634
▪ Lương thực – Gạo	1.802.034.567.310	1.528.166.711.655
▪ Hạt giống cây trồng	396.624.054.048	339.890.211.143
▪ Bao bì	89.142.008.826	97.639.556.624
▪ Xây dựng	33.002.260.392	51.855.649.010
▪ Khác	4.944.777.897	-
	4.559.383.243.937	4.280.548.024.065

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

28. Doanh thu hoạt động tài chính

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Lãi tiền gửi	2.801.296.203	842.377.190
Cổ tức	-	3.010.563.000
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.895.462.081	15.356.910.146
Doanh thu hoạt động tài chính khác	136.224.315	212.890.121
	<hr/>	<hr/>
	12.832.982.599	19.422.740.457

29. Chi phí tài chính

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Chi phí lãi vay	85.714.750.186	91.708.952.299
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái	9.848.393.793	2.853.200.001
Chi phí tài chính khác	4.800.547.865	6.924.769.370
	<hr/>	<hr/>
	100.363.691.844	101.486.921.670

30. Chi phí bán hàng

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
		(Đã phân loại lại)
Chi phí cho nhân viên	201.803.758.618	249.158.149.286
Chi phí quảng cáo và khuyến mãi	204.739.106.951	186.617.414.050
Chi phí hội nghị khách hàng	45.774.704.630	21.881.692.391
Chi phí vận chuyển	20.016.047.505	35.294.790.541
Chi phí vật liệu bao bì	24.492.204.354	26.703.152.207
Chi phí xuất khẩu	27.555.218.035	20.781.900.905
Công tác phí	28.499.843.238	17.328.689.269
Khấu hao và phân bổ	13.881.568.649	14.502.055.241
Chi phí khác	58.952.501.367	48.879.411.980
	<hr/>	<hr/>
	625.714.953.347	621.147.255.870

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

31. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
	(Đã phân loại lại)	
Chi phí cho nhân viên	131.271.324.591	133.524.014.877
Chi phí giao tế, hội nghị	10.133.471.949	10.902.912.498
Khấu hao và phân bổ	5.650.356.258	15.031.286.001
Chi phí đồ dùng văn phòng	4.011.858.205	7.153.818.155
Công tác phí	8.721.195.598	8.271.134.876
Thù lao cho Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát	3.148.014.134	4.386.994.690
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn khó đòi	16.502.668.225	23.493.707.976
Chi phí khác	72.154.979.643	46.060.643.396
	<hr/>	<hr/>
	251.593.868.603	248.824.512.469
	<hr/>	<hr/>

32. Thu nhập khác

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Hỗ trợ nhận từ các đối tác	7.176.274.208	3.166.307.869
Lãi/lỗ từ thanh lý tài sản cố định hữu hình	(40.290.408)	17.613.524.490
Thu nhập khác	8.743.613.044	5.734.143.023
	<hr/>	<hr/>
	15.879.596.844	26.513.975.382
	<hr/>	<hr/>

Công ty Cổ phần Tập đoàn Lộc Trời và các công ty con
Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ chín tháng kết thúc
ngày 30 tháng 9 năm 2017 (tiếp theo)

Mẫu B 09a – DN/HN
(Ban hành theo Thông tư số 202/2014/TT-BTC
ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính)

34. Thuế thu nhập doanh nghiệp

(a) Ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất

	Kỳ chín tháng kết thúc ngày	
	30/9/2017	30/9/2016
	VND	VND
Chi phí thuế thu nhập hiện hành		
Kỳ hiện hành	80.848.832.255	72.273.646.414
(Lợi ích)/chi phí thuế thu nhập hoãn lại		
Phát sinh và hoàn nhập các chênh lệch tạm thời	(696.346.844)	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp	80.152.485.411	72.273.646.414

Ngày 20 tháng 10 năm 2017

Người lập:



Nguyễn Tấn Hoàng
Kế toán trưởng

Người duyệt:



Nguyễn Mỹ
Phó Tổng Giám đốc

